

VIỆN HÀN LÂM KHOA HỌC
VÀ CÔNG NGHỆ VIỆT NAM
**QUỸ PHÁT TRIỂN
KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ**

ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM

Hà Nội, ngày 09 tháng 6 năm 2026

Số 06 -QĐ/QPTKHCN

QUYẾT ĐỊNH
Về việc công bố công khai Dự toán NSNN năm 2026
của Quỹ Phát triển Khoa học và Công nghệ

-
- Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP, ngày 21/12/2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi thành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;
 - Căn cứ Thông tư số 61/2017/TT-BTC, ngày 15/6/2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện công khai ngân sách đối với đơn vị dự toán ngân sách, các tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ; Thông tư số 90/2018/TT-BTC ngày 28/9/2018 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15/6/2017 của Bộ Tài chính;
 - Căn cứ Quyết định số 39/QĐ-QPTKHCN, ngày 31/12/2025 của Chủ tịch Hội đồng quản lý quỹ về việc ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của cơ quan điều hành Quỹ Phát triển Khoa học và Công nghệ;
 - Căn cứ Quyết định số 397-QĐ/VHLKHCNVN, ngày 02/06/2026 của Chủ tịch Viện Hàn lâm Khoa học và Công nghệ Việt Nam về việc giao bổ sung chỉ tiêu, dự toán tiết kiệm chi ngân sách nhà nước năm 2026;
 - Xét đề nghị của Trưởng phòng Hành chính tổng hợp và Trưởng phòng Tài chính kế toán,

GIÁM ĐỐC QUỸ PHÁT TRIỂN KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ
QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố công khai số liệu giao dự toán chi NSNN năm 2026

Công bố công khai số liệu giao chỉ tiêu, dự toán tiết kiệm chi NSNN năm 2026 của Quỹ Phát triển Khoa học và Công nghệ theo Quyết định số 397-QĐ/VHLKHCNVN ngày 02/06/2026 của Chủ tịch Viện Hàn lâm Khoa học và Công nghệ Việt Nam, gồm:

1. Kinh phí được trả nguồn từ kinh phí tạm giữ đầu năm 2026, tổng số tiền là 9.809,49 triệu đồng, gồm:

- Kinh phí niên liễm của các tổ chức quốc tế: 9.637,7 triệu đồng.



- Kinh phí quỹ lương và các khoản đóng góp năm 2026: 159,8 triệu đồng.
- Kinh phí quỹ tiền thưởng theo Nghị định số 73/2024/NĐ-CP: 11,990 triệu đồng.
- Kinh phí thực hiện các nhiệm vụ KHCN cấp Viện Hàn lâm KHCN Việt Nam (cấp theo hình thức lệnh chi tiền): 3.350,0 triệu đồng.

2. Kinh phí NSNN năm 2026 tiết kiệm thêm trên 5% để thực hiện chỉ tiêu tiết kiệm theo Nghị quyết số 135/NQ-CP, tổng số tiền là 468,915 triệu đồng, gồm:

- Kinh phí đoàn ra của Viện Hàn lâm KHCNVN do Chủ tịch Viện quyết định: 432,0 triệu đồng.

- Kinh phí hoạt động chuyên môn và quản lý của Quỹ: 36,915 triệu đồng.

(Chi tiết theo biểu đính kèm)

Điều 2. Hình thức công khai

Thực hiện công khai số liệu giao chỉ tiêu, dự toán tiết kiệm chi NSNN năm 2026 bằng các hình thức sau:

- Niêm yết công khai tại bảng tin của Quỹ Phát triển Khoa học và Công nghệ.
- Đăng tải trên trang thông tin điện tử của Quỹ Phát triển Khoa học và Công nghệ.

Điều 3. Tổ chức thực hiện

Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký. Trưởng phòng Hành chính tổng hợp, Trưởng phòng Tài chính kế toán, Kế toán trưởng Quỹ Phát triển Khoa học và Công nghệ và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Ban KHTC (để b/c);
- Lưu: VT, HCTH, KT03.

GIÁM ĐỐC



Phạm Minh Tuấn

Đơn vị: Quỹ Phát triển Khoa học và Công nghệ
Chương: 046

Biểu số 2 - Ban hành kèm theo Thông tư số 90
ngày 28 tháng 9 năm 2018 của Bộ Tài Chính



ĐỰ TOÁN THU - CHI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC

(Kèm theo Quyết định số 06/QĐ/QPTKHCN ngày 09/06/2026 của Giám đốc Quỹ Phát triển Khoa học và Công nghệ)

Đơn vị tính: Triệu đồng

Số TT	Nội dung	Dự toán được giao
1	2	3
A	Tổng số thu, chi, nộp ngân sách phí, lệ phí	
I	Số thu phí, lệ phí	
1	Lệ phí	
2	Phí	
II	Chi từ nguồn thu phí được để lại	
1	Chi sự nghiệp	
a	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	
b	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	
2	Chi quản lý hành chính	
a	Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ	
b	Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ	
III	Số phí, lệ phí nộp ngân sách nhà nước	
1	Lệ phí	
2	Phí	
B	Dự toán chi ngân sách nhà nước	138.961,225
I	Nguồn ngân sách trong nước	138.961,225
1	Chi quản lý hành chính	
1.1	Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ	
1.2	Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ	
2	Chi sự nghiệp khoa học và công nghệ	138.961,225
2.1	Kinh phí thực hiện nhiệm vụ khoa học công nghệ (cấp theo hình thức lệnh chi tiền)	33.500,000
	- Nhiệm vụ khoa học công nghệ cấp quốc gia	
	- Nhiệm vụ khoa học công nghệ cấp Bộ	33.500,000
	- Nhiệm vụ khoa học công nghệ cấp cơ sở	
2.2	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên theo chức năng (nhiệm vụ thường xuyên không giao tự chủ)	2.296,22
	- Lương và các khoản đóng góp	1.598,00
	- Hoạt động chuyên môn quản lý	578,325
	- Kinh phí quỹ tiền thưởng Nghị định số 73/2024/NĐ-CP ngày 30/06/2024	119,90
2.3	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	103.165,00
	- Đoàn ra của Viện Hàn lâm Khoa học và Công nghệ Việt Nam do Chủ tịch Viện quyết định	6.768,00
	- Niên liễm của các tổ chức quốc tế	96.397,00
3	Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo và dạy nghề	
3.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	
3.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	
4	Chi sự nghiệp y tế, dân số và gia đình	
4.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	

4.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	
5	Chi bảo đảm xã hội	
5.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	
5.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	
6	Chi hoạt động kinh tế	
6.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	
6.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	
7	Chi sự nghiệp bảo vệ môi trường	
7.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	
7.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	
8	Chi sự nghiệp văn hóa thông tin	
8.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	
8.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	
9	Chi sự nghiệp phát thanh, truyền hình, thông tấn	
9.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	
9.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	
10	Chi sự nghiệp thể dục thể thao	
10.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	
10.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	
II	Nguồn vốn viện trợ	0,00
1	Chi quản lý hành chính	
2	Chi sự nghiệp khoa học và công nghệ	0,00
3	Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo và dạy nghề	
4	Chi sự nghiệp y tế, dân số và gia đình	
5	Chi bảo đảm xã hội	
6	Chi hoạt động kinh tế	
7	Chi sự nghiệp bảo vệ môi trường	
8	Chi sự nghiệp văn hóa thông tin	
9	Chi sự nghiệp phát thanh, truyền hình, thông tấn	
10	Chi sự nghiệp thể dục thể thao	
III	Nguồn vay nợ nước ngoài	
1	Chi quản lý hành chính	
2	Chi sự nghiệp khoa học và công nghệ	
3	Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo và dạy nghề	
4	Chi sự nghiệp y tế, dân số và gia đình	
5	Chi bảo đảm xã hội	
6	Chi hoạt động kinh tế	
7	Chi sự nghiệp bảo vệ môi trường	
8	Chi sự nghiệp văn hóa thông tin	
9	Chi sự nghiệp phát thanh, truyền hình, thông tấn	
10	Chi sự nghiệp thể dục thể thao	